**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI LUẬT VIỄN THÔNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung góp ý** | **Giải trình, tiếp thu ý kiến** |
| *I* | ***Nhất trí với nội dung dự thảo:***  - Bộ ngành: Bộ Nội vụ,  - Sở TTTT: Đắc Lắk, Hưng Yên, Bắc Giang, Gia Lai, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Cà Mau, Thanh Hóa, Trà Vinh, Cần Thơ, Lai Châu, Quảng Bình, Đồng Tháp, Phú Thọ, Nam Định, Thái Bình, Bắc Kạn, Kon Tum, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Hà Nam, Hậu Giang, Tuyên Quang, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Yên Bái, Long An, Nghệ An, Tây Ninh, Vĩnh Long, Quảng Ninh, Quảng Ngãi  - DNVT: Đông Dương Telecom, Vishipel | |
| *II* | ***Các ý kiến góp ý:*** |  |
| *1* | *Bộ Công thương:* |  |
|  | Góp ý Báo cáo tổng kết luật: |  |
| 1.1 | - Đề nghị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung khuyến mại trong lĩnh vực truyền thông theo ý kiến góp ý tại CV 3942/BCT-PC ngày 05/7/2021. | Tiếp thu, sửa đổi văn bản dưới luật.  Bộ TTTT đã đồng bộ các quy định trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 25/2011/NĐ-CP với Nghị định 81/2018/NĐ-CP. |
|  | Góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và Tờ trình: |  |
|  | - Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: |  |
| 1.2 | + Đề nghị nghiên cứu, có đề xuất với Chính phủ thống nhất chính sách, biện pháp quản lý các nội dung liên quan đến trung tâm dữ liệu, định danh kết nối số, kết nối IoT, dịch vụ nội dung số (chính sách 4,5) do có khả năng lớn chồng lấn với các đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp Công nghệ số, Luật Giao dịch điện tử sửa đổi. | Hiện Bộ TTTT đang được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng các luật có liên quan chặt chẽ với nhau về trung tâm dữ liệu và dữ liệu bao gồm: dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ số, dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử; dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông. Phạm vi điều chỉnh của các luật này là khác nhau, không bị chồng chéo và có mối liên hệ với nhau, cụ thể:  - Dự thảo Luật Công nghiệp Công nghệ số: quy định về việc đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, các cơ chế, chính sách của Nhà nước khuyến khích, ưu tiên đầu tư trung tâm dữ liệu đáp ứng chuẩn quốc tế, hướng tới các trung tâm dữ liệu xanh, sạch...  - Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông: bổ sung thêm trung tâm dữ liệu là một thành phần của hạ tầng viễn thông để quản lý khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu bằng cách cấp phép qua hình thức thông báo, hoạt động của trung tâm dữ liệu phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật, các nghĩa vụ cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu.  - Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử: quy định các yêu cầu trong việc thu thập, quản lý, lưu trữ, đồng bộ và xử lý dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, các hành vi bị cấm trong kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu. |
| 1.3 | + Đề nghị rà soát, bổ sung thêm nội dung về dịch vụ thông tin vệ tinh (chính sách 3) vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng tác động. | Bảo lưu.  Dịch vụ thông tin vệ tinh là dịch vụ viễn thông, đã nằm trong phạm vi điều chỉnh và đối tượng tác động của Luật, chỉ bổ sung thêm một số quy định để hoàn thiện khung pháp lý. |
|  | - Về đánh giá tác động chính sách: |  |
| 1.4 | + Đề nghị tiếp tục hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo hướng bổ sung cụ thể đánh giá với số liệu minh họa cho các hạn chế, vướng mắc cũng như chi phí (dự kiến) tuân thủ các phương án đề xuất | Tiếp thu.  Đã điều chỉnh một số chính sách có kèm theo số liệu minh họa. |
| 1.5 | + Về chính sách, pháp luật cạnh tranh:  Các quy định về bổ sung quyền và nghĩa vụ của các DN khi thực hiện hoạt động bán buôn tại chính sách này không phải là các quy định nhằm đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh trên thị trường mà các quy định này mang tính kiểm soát về giá của các doanh nghiệp. PL về cạnh tranh không mang tính kiểm soát, không hạn chế quyền tự do kinh doanh, quyền định đoạt giá của doanh nghiệp mà tôn trọng quyền tự do kinh doanh, tự do cạnh tranh của doanh nghiệp và đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh trên thị trường thông qua các quy định kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh bao gồm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền và hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo nguyên tắc hậu kiểm.  Trường hợp việc bổ sung nội dung này là cần thiết, đề nghị cần nghiên cứu, bổ sung thêm các nội dung đánh giá và giải pháp giải quyết cụ thể đối với vấn đề về xác định thị trường, vị trí thống lĩnh thị trường trong lĩnh vực về cạnh tranh, quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông đối với nội dung này. | Nhất trí.  Đã điều chỉnh chính sách theo hướng quản lý, thúc đẩy thị trường viễn thông. |
| 1.6 | + Về chính sách, pháp luật về giá:  Bộ Tài chính đang lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Giá sửa đổi, theo đó hướng tới quy định đồng bộ, thống nhất nguyên tắc, đầu mối quản lý, phương thức, phương pháp định giá mới theo cơ chế thị trường và nguyên tắc ưu tiên áp dụng, bổ sung thêm biện pháp quản lý nhà nước về giá theo hình thức “giá tham chiếu”, đồng thời có cơ chế quản lý giá đối với một số mặt hàng theo phương thức doanh nghiệp được định giá nhưng phải đảm bảo thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền để hạn chế tình trạng lạm dụng vị thế của doanh nghiệp, tính chất độc quyền của mặt hàng để thao túng giá.  Do đó, để thống nhất với Luật Giá, đề nghị cân nhắc không nên quy định những nội dung: về khung giá cứng của doanh nghiệp; thể hiện sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; bổ sung các quy định có tính chất “tiền kiểm”. Nên quy định nghiên cứu hồ sơ Luật Giá về hình thức “giá tham chiếu”; các quy định về quản lý khác đối với dịch vụ viễn thông nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh giữa doanh nghiệp. | Đã nghiên cứu, điều chỉnh chính sách và đề xuất 02 phương án: (1) phương án quy định nguyên tắc về xây dựng giá bán buôn và bán lẻ một cách tương quan hợp lý và doanh nghiệp phải báo cáo giá bán buôn, bán lẻ với cơ quan QLNN; (2) quy định nguyên tắc xác định khung giá bán buôn – bán lẻ (tỷ lệ chênh lệch giữa giá bán buôn và giá bán lẻ, không phải khung giá cứng) theo thông lệ quốc tế. Trong trường hợp này, sẽ bổ sung vào danh mục dịch vụ Nhà nước định giá theo Luật Giá sửa đổi. |
| 1.7 | + Về chính sách, pháp luật thương mại: đề nghị nghiên cứu ý kiến tại văn bản 5570/BCT-PC góp ý dự thảo NĐ sửa đổi NĐ 25 theo hướng bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 56 Luật Viễn thông để thống nhất quản lý hoạt động khuyến mại theo pháp luật về thương mại. | Bảo lưu  Theo quy định tại Điều 56 Luật Viễn thông, Bộ TTTT là đơn vị chủ trì quy định hoạt động khuyến mại trong lĩnh vực viễn thông. Quản lý khuyến mại là một cấu phần của việc quản lý giá cước, cạnh tranh, điều tiết thị trường viễn thông. Do vậy, cơ quan chuyên ngành về viễn thông thực hiện quản lý khuyến mại là phù hợp với thực tiễn.  Đối với vướng mắc, bất cập trong các văn bản hướng dẫn Luật, Bộ TTTT đã đồng bộ các quy định trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 25/2011/NĐ-CP với Nghị định 81/2018/NĐ-CP. |
| 1.8 | Đề nghị lưu ý, bổ sung đánh giá đến các cam kết quốc tế của Việt Nam về lĩnh vực viễn thông trong các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định CPTPP. | Tiếp thu.  Đã rà soát, đảm bảo các quy định tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| *2* | *Bộ Khoa học và Công nghệ:* |  |
| 2.1 | - Tại dự thảo Tờ trình và báo cáo đánh giá, đề nghị cung cấp kinh nghiệm quản lý viễn thông của các nước để từ đó làm cơ sở vận dụng với điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam. | Nhất trí. Đã bổ sung một số kinh nghiệm quản lý khi điều chỉnh chính sách trong báo cáo đánh giá tác động và tờ trình. |
| 2.2 | - Bổ sung báo cáo đánh giá tình hình phát triển công nghệ trên thế giới trong lĩnh vực viễn thông để xây dựng phương án cập nhật, điều chỉnh chỉnh sách cho phù hợp với xu thế chung. | Đã nghiên cứu, lồng ghép nội dung đánh giá trong quá trình xây dựng các chính sách. |
| 2.3 | - Làm rõ hơn nữa vai trò quản lý của cơ quan quản lý viễn thông trong việc quản lý thị trường bán buôn và bán lẻ, quản lý SMP. | Đã điều chỉnh chính sách cho phù hợp. Việc quản lý SMP đã được quy định rõ trong Khoản 4 Điều 19 Luật Viễn thông. |
| *3* | *Bộ Tư pháp:* |  |
| 3.1 | - Pháp luật liên quan được xây dựng, ban hành mới, báo cáo đánh giá tác động có đề cập đến việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi để đảm bảo thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. | Bảo lưu.  Đề cương dự thảo luật chỉ bổ sung thêm trung tâm dữ liệu trong cấu phần của hạ tầng viễn thông và sửa đổi, bổ sung một số điều nên việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông là phù hợp. |
|  | - Chính sách quản lý và điều tiết thị trường: |  |
| 3.2 | + Việc quyết định giá cung cấp dịch vụ thuộc về quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác, các quy định của pháp luật về giá, cạnh tranh đảm bảo thị trường được hoạt động theo quy luật cung cầu, minh bạch. Việc quy định DN phải xây dựng hợp đồng mẫu và báo cáo cơ quan QL về viễn thông là chưa phù hợp (Điều 3 Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010). Trường hợp thấy cần thiết phải có yêu cầu điều kiện đối với việc thỏa thuận, thiết lập hợp đồng của các doanh nghiệp này thì cần thiết xây dựng các điều kiện cụ thể và có đánh giá tác động nhằm đảm bảo quyền lợi của DN, người tiêu dùng và Nhà nước. | Tiếp thu.  Đã nghiên cứu, điều chỉnh giải pháp của chính sách, không còn quy định về hợp đồng mẫu của doanh nghiệp bán buôn. Xây dựng theo hướng tôn trọng quyền tự xác định và cạnh tranh về giá cước của doanh nghiệp viễn thông. |
| 3.3 | + Đề nghị nghiên cứu bổ sung giải pháp cho phù hợp với vấn đề bất cập về chưa đồng bộ với Luật Cạnh tranh trong việc xác định thị trường cách thức quản lý cạnh tranh trên thị trường. | Đã điều chỉnh chính sách về quản lý thị trường, không còn vấn đề bất cập liên quan đến Luật Cạnh tranh. |
| 3.4 | + Đề nghị rà soát, nghiên cứu, đánh giá kỹ để bảo đảm đưa ra được các giải pháp giải quyết được triệt để các vấn đề bất cập, tránh chồng chéo, không thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan. | Nhất trí.  Đã nghiên cứu điều chỉnh giải pháp của các chính sách. |
|  | - Chính sách hoàn thiện quy định về cấp phép viễn thông: |  |
| 3.5 | + Chưa làm rõ được sự thay đổi đối với các trường hợp được cấp phép khác nhau cũng như giải quyết vấn đề bất cập về điều kiện cấp phép và quy trình thủ tục được quy định như nhau đối với DN có hạ tầng và DN không có hạ tầng. Vì vậy, đề nghị nhất quán trong cách tiếp cận, mục tiêu, giải quyết vấn đề bất cập và quy định cụ thể, minh bạch trong giải pháp. | Tiếp thu.  Đã điều chỉnh chính sách để nhất quán trong cách tiếp cận, mục tiêu và giải quyết vấn đề bất cập. |
| 3.6 | + Các giải pháp về bổ sung quy định liên quan đến kinh doanh viễn thông như hạn chế quyền kinh doanh trong một khu vực và trong một khoảng thời gian nhất định đối với DN có hành vi vi phạm PL… có nội dung liên quan đến pháp luật xử phạt vi phạm hành chính. Đề nghị rà soát để đảm bảo quy định thống nhất, đồng bộ. | Nhất trí.  Đã rà soát, điều chỉnh. |
| 3.7 | - Chính sách 3 - về quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh:  Giải pháp chưa làm rõ các nội dung sẽ được quy định nhằm nội luật hóa các cam kết quốc tế cụ thể như thế nào. | Tiếp thu.  Đã làm rõ giải pháp đề xuất bổ sung nguyên tắc trong Luật, việc quy định chi tiết để nội luật hóa cam kết quốc tế do Chính phủ quy định tại Nghị định hướng dẫn. |
| 3.8 | - Chính sách 4 - xây dựng biện pháp quản lý, thúc đẩy phát triển dịch vụ nội dung:  + Đề nghị rà soát, bổ sung số liệu và đánh giá quan hệ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung và các doanh nghiệp thiết lập, cung cấp mạng viễn thông. Từ đó, cần đề xuất giải pháp cụ thể, làm rõ các nội dung, quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung như thế nào để đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp và người tiêu dùng.  + Ngoài ra, việc DN viễn thông tham gia đấu giá để mua băng tần, việc bắt buộc phải chia sẻ cho DN cung cấp dịch vụ nội dung là không phù hợp. | Đã điều chỉnh chính sách hợp lý. |
| 3.9 | - Chính sách 5:  + Cần làm rõ hàm lượng của viễn thông được sử dụng trong các hạ tầng này như thế nào, nội hàm của các hạ tầng này có phù hợp với đối tượng điều chỉnh của Luật Viễn thông 2009 hay không, có bị chồng lấn với pháp luật liên quan như giao dịch điện tử, phát thanh truyền hình hay không. Đề nghị làm rõ vấn đề bất cập và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết được bất cập và phù hợp thực tiễn, pháp luật có liên quan.  + Ngoài ra, rà soát sự phù hợp của các dịch vụ này với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện để phù hợp với pháp luật về đầu tư. | + Đã giải trình tại mục 1.2.  + Đã rà soát để phù hợp với Luật Đầu tư, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện được quy định trong Luật Đầu tư. |
| 3.10 | - Đề nghị nghiên cứu, đánh giá toàn diện những bất cập của Luật Viễn thông hiện hành để có thể bổ sung những chính sách mới nhằm sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện (ví dụ: Quỹ Viễn thông công ích không còn phù hợp với hệ thống pháp luật về thuế, phí, Luật Ngân sách Nhà nước…) | Tiếp thu, trong quá trình xây dựng sửa đổi bổ sung, sẽ tiếp tục rà soát.  Luật Viễn thông đã được tổng kết và đánh giá các bất cập; rà soát với các hệ thống luật hiện hành ban hành và đề xuất các chính sách sửa đổi, bổ sung.  Sau khi rà soát về quy định hoạt động của quỹ dịch vụ viễn thông công ích, thì quỹ không bị điều chỉnh theo hệ thống pháp luật về thuế, phí, luật ngân sách nhà nước. Đối với lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn đóng góp tài chính và hạch toán khoản đóng góp trước thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp viễn thông. |
| 3.11 | - Đề nghị thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi Luật theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL 2015. Lưu ý lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến, hoàn thiện hồ sơ gửi thẩm định trước khi trình Chính phủ. | Nhất trí. Đã thực hiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành VBQPPL 2015. |
| 3.12 | - Về báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đề nghị đánh giá cụ thể, khách quan, toàn diện, đầy đủ tác động của chính sách, lưu ý: đánh giá đầy đủ mặt tích cực, tiêu cực trên mỗi phương diện kinh tế, xã hội…; so sánh lợi ích, chi phí của các giải pháp. | Nhất trí.  Đã điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động theo hướng đánh giá đầy đủ các mặt, có so sánh lợi ích, chi phí của giải pháp. |
| 3.13 | - Đề cương dự thảo luật sửa đổi đề nghị thể hiện chi tiết, cụ thể giải pháp của các chính sách. | Nhất trí.  Đã cụ thể giải pháp, hoàn thiện đề cương dự thảo luật theo các chính sách. |
| 3.14 | - Bổ sung bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác, bản chụp ý kiến góp ý. | Nhất trí.  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và các VB có liên quan được bổ sung khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định. |
| *4* | *Bộ Quốc phòng:* |  |
| 4.1 | - Góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động:  Đề nghị sửa tên dự thảo báo cáo thành “Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông” | Tiếp thu |
| 4.2 | - Góp ý dự thảo Tờ trình:  Đề nghị nghiên cứu, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực, kinh phí và điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Luật sau được thông qua. | Tiếp thu, điều chỉnh Tờ trình. |
|  | - Góp ý đề cương: |  |
| 4.3 | + Khoản 5 Điều 1:  Bổ sung trường hợp cho phép DNVT được sử dụng, trao đổi thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông khi chuyển mạng giữ nguyên số hoặc kinh doanh các dịch vụ hợp pháp khác (Khoản 4 Điều 6 không cho phép). | Bảo lưu.  Luật VT (Điểm a Khoản 4 Điều 6) cho phép DNVT được cung cấp thông tin khi được người sử dụng dịch vụ đồng ý. Trong trường hợp chuyển mạng giữ nguyên số thì khách hàng phải đồng ý, các DN mới làm thủ tục chuyển mạng trong đó có trao đổi thông tin cơ bản của khách hàng. |
| 4.4 | Bổ sung quy định cho phép DNVT được kết nối với CSDL quốc gia về dân cư của Bộ Công An để phục vụ công tác chuẩn hóa thông tin thuê bao được chính xác. | Tiếp thu, nghiên cứu, xem xét để bổ sung quy định trong quá trình dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung. |
| 4.5 | + Khoản 17 Điều 1: Đề nghị nghiên cứu, quy định Bộ Quốc phòng được giám sát liên lạc vệ tinh tầm thấp | Nghiên cứu, xem xét đưa vào các VB dưới Luật hoặc đề xuất giải pháp phù hợp trong quá trình triển khai công tác cấp phép. |
| 4.6 | + Đề nghị bổ sung 1 điều khoản sau Khoản 7 Điều 1 để sửa đổi, bổ sung Điều 20 Luật Viễn thông theo hướng mở rộng phạm vi dịch vụ viễn thông công ích bao gồm dịch vụ CNTT, dịch vụ ứng dụng viễn thông và mở rộng nguồn kinh phí cho việc cung cấp dịch vụ này từ các tổ chức, DN khác do Bộ TTTT quy định trong từng thời kỳ. | Bảo lưu.  Luật Viễn thông có Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng liên quan đến các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông tại Việt Nam. Quỹ VTCI chỉ thu của các doanh nghiệp viễn thông và chỉ hỗ trợ dịch vụ viễn thông. Không hỗ trợ các dịch vụ CNTT và các dịch vụ khác không phải dịch vụ viễn thông. |
| 4.7 | + Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về kết nối, chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông và công trình viễn thông: | Bảo lưu.  Luật Viễn thông đã có quy định. |
| 4.8 | Quy định sử dụng chung CSHT kỹ thuật của ngành khác để phát triển hạ tầng viễn thông thụ động nhằm giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung, đảm bảo mỹ quan. | Bảo lưu.  Luật Viễn thông đã có quy định. |
| 4.9 | Quy định về quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng cơ quan chức năng xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, các DN xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động trên cơ sở quy hoạch để tránh phát triển tự phát. | Bảo lưu.  Theo Quy định hiện tại, doanh nghiệp khi xây dựng quy hoạch HTVTTD phải căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, thành phố đã được phê duyệt, hiện trạng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của DN để lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. |
| 4.10 | Đề nghị bổ sung quy định về dịch vụ “Mobile Money” (đang triển khai thí điểm theo QĐ316/QĐ-TTg) | Bảo lưu.  Về bản chất, Mobile Money không phải là dịch vụ viễn thông mà là dịch vụ tài chính ngân hàng có sử dụng công nghệ viễn thông, tương tự các hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech) hiện nay. Tại Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, dịch vụ Mobile Money được quy định thực hiện thí điểm trong thời gian 02 năm trước khi tổng kết, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị, đề xuất chính sách quản lý phù hợp. Do đó, không đưa dịch vụ “Mobile Money vào dự thảo luật sửa đổi, bổ sung. |
| *5* | *Bộ Ngoại giao:* |  |
| 5.1 | *-* Góp ý dự thảo Tờ trình:  Tại mục I.4, đề nghị nêu cụ thể những cam kết trong các điều ước quốc tế có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (WTO, CPTPP, EVFTA…) | Nhất trí.  Nêu ngắn gọn cam kết trong mục I.4, nội dung cụ thể đã đưa vào phần chính sách. |
| 5.2 | Đề nghị có đánh giá kỹ hơn về sự phát triển nhanh chóng công nghệ viễn thông và CNTT có thể xuất hiện trong tương lai gần (như mạng di động thế hệ thứ 6 – 6G, IoT…) và sự hội tụ ngày càng mạnh mẽ, nhanh chóng giữa viễn thông và CNTT để có thể xây dựng chính sách phù hợp, có giá trị lâu dài. | Nhất trí.  Đã có đánh giá trong quá trình đề xuất chính sách. |
| 5.3 | - Góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động:  Đề nghị Quý Bộ nêu cụ thể về tính tương thích của từng chính sách với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia (hiện nay, dự thảo Báo cáo chỉ đánh giá chung về sự tương thích). Lưu ý:  + Các quy định liên quan đến hạn chế quyền kinh doanh đối với các DN nước ngoài cần phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, tránh các biện pháp phân biệt đối xử.  + Đối với chính sách quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh: Theo Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và cam kết trong WTO, “việc cung cấp dịch vụ qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam chỉ được phép thực hiện nếu có thỏa thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép” trừ trường hợp dịch vụ cung cấp cho các khách hàng đặc biệt; | + Các chính sách đề xuất đã rà soát với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và đảm bảo tính tương thích.  + Đã điều chỉnh chính sách liên quan đến hạn chế quyền kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông, không có các biện pháp phân biệt đối xử. |
| 5.4 | Đối với việc mở rộng phạm vi hoạt động viễn thông khi hạ tầng viễn thông phát triển, kết nối với các cấu phần trung tâm dữ liệu: cân nhắc bổ sung các thủ tục về phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên viễn thông quý hiếm (ví dụ như kho số, tần số và quyền đi cáp,…) nhất là đối với các doanh nghiệp viễn thông nước ngoài. | Việc bổ sung quy định về quản lý trung tâm dữ liệu không liên quan đến đến việc phân bổ và sử dụng tài nguyên viễn thông quý hiếm. |
| 5.5 | - Góp ý đề cương dự thảo Luật  Tại khoản 10 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 29, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định miễn cước gọi tới các số liên lạc của trung tâm tìm kiếm cứu nạn trên biển của Việt Nam để hỗ trợ các tàu thuyền, ngư dân gặp nạn trên biển hoặc có sự cố trên biển liên quan đến nước ngoài. | Tiếp thu để nghiên cứu, xem xét bổ sung trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung. |
| 5.6 | Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, đề nghị tiếp tục rà soát, bảo đảm các quy định trong dự thảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của dự thảo Luật. | Nhất trí |
| *6* | *Cục Tin học hóa:* |  |
|  | - Về định hướng phát triển hạ tầng số |  |
| 6.1 | + Tại Khoản 3, Mục III, Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có nêu: “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công.” | Tiếp thu, bổ sung vào Tờ trình. |
| 6.2 | + Tại Khoản 1, Mục V, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” có nêu: “Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả”. | Thông tin để tham khảo |
| 6.3 | + Tại Khoản 2, Mục IV, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định phát triển hạ tầng số là một trong các nhiệm vụ trọng tâm quốc gia. | Thông tin để tham khảo |
|  | - Về hạn chế của cơ sở hạ tầng thông tin của cơ quan nhà nước |  |
| 6.4 | Căn cứ vào thực tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử thời gian vừa qua, Cục Tin học hóa nhận thấy cơ sở hạ tầng thông tin của các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, hoạt động thiếu ổn định, tin cậy, phần lớn chưa đạt tiêu chuẩn. Vấn đề này gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng dịch vụ công cung cấp cho người dân, doanh nghiệp, chất lượng hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước, làm chậm quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam. | Nhất trí. |
|  | - Về đề xuất, kiến nghị: |  |
| 6.5 | + Xem xét nghiên cứu, bổ sung các nội dung liên quan đến mở rộng phạm vi cơ sở hạ tầng viễn thông truyền thống theo hướng phát triển thành hạ tầng số, trong đó bao gồm cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, kết nối IOT. | Nhất trí.  Tiếp tục nghiên cứu, xem xét trong quá trình dự thảo Luật. |
| 6.6 | + Xem xét nghiên cứu, bổ sung các nội dung liên quan đến việc cho phép sử dụng Quỹ Viễn thông công ích để đầu tư, thuê dịch vụ phục vụ tái cấu trúc, phát triển cơ sở hạ tầng thông tin thành hạ tầng số trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn và các khu vực mà doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường. Về việc sử dụng Quỹ Viễn thông công ích để tái cấu trúc, phát triển cơ sở hạ tầng thông tin là phù hợp thực tiễn, nhằm hiện thực hóa chủ trương Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện tại Việt Nam. | Hạ tầng băng rộng là thành phần cơ bản của hạ tầng số, hiện đã được quy định đầu tư từ Quỹ VTCI nên về cơ bản phù hợp với ý kiến góp ý. |
| *7* | *Cục Tần số VTĐ:* |  |
| 7.1 | - Đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung vào Luật Viễn thông hoặc xem xét đưa vào các văn bản dưới Luật nội dung cấp phép hoặc miễn cấp giấy phép viễn thông đối với trường hợp đơn vị báo chí (như trường hợp của VTV, VTC) thực hiện truyền dẫn phát sóng không cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông. | Nhất trí.  Nghiên cứu, xem xét đưa quy định phù hợp vào văn bản dưới luật hoặc có giải pháp thực thi hợp lý. |
| 7.2 | - Đề nghị xem xét bổ sung vào Luật hoặc văn bản dưới Luật quy định về trình tự khi thu hồi giấy phép viễn thông do tần số bị thu hồi đối với các doanh nghiệp không còn tần số để kinh doanh dịch vụ viễn thông. | Bảo lưu.  Trường hợp các doanh nghiệp viễn thông không còn tần số do tần số bị thu hồi thì vẫn có thể kinh doanh loại hình dịch vụ viễn thông khác và đề nghị cấp tần số khác hoặc tham gia đấu giá tần số khác để tiếp tục triển khai mạng lưới, không nhất thiết phải thu hồi giấy phép viễn thông. |
| 7.3 | - Với xu hướng phát triển chùm vệ tinh, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung vào Luật quy định về điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ vệ tinh nước ngoài trong đó lưu ý đến việc ưu tiên và bảo vệ chùm vệ tinh tương lai của Việt Nam (nếu có). | Việc cung cấp dịch vụ vệ tinh nước ngoài được thực hiện theo các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Luật chỉ đưa ra nguyên tắc quản lý còn các điều kiện cụ thể sẽ được quy định, nội luật hóa trong các văn bản dưới Luật (Nghị định). |
| *8* | *Vụ HTQT* |  |
| 8.1 | Việc sửa đổi bổ sung Luật Viễn thông lần này có phản ánh các nghĩa vụ đã cam kết tại các FTA Việt Nam đã tham gia và các ý kiến quan tâm do doanh nghiệp nước ngoài đã nêu hay không. Ví dụ: vấn đề cấp phép đơn lẻ theo dịch vụ hay cấp phép theo nhóm dịch vụ (cơ bản, giá trị gia tăng, gắn với hạ tầng mạng, không gắn với hạ tầng mạng); vấn đề chia sẻ hạ tầng (phân loại hạ tầng nào phải chia sẻ; quy định về kết nối ảo, kết nối vật lý); vấn đề telecom tower được cấp phép như thế nào và có được coi là hạ tầng mạng không (theo cam kết quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sở hữu 49%); chính sách quản lý cấp phép cột viễn thông (telecom tower).…. | Luật Viễn thông đã có quy định khung về việc kinh doanh dịch vụ viễn thông. Chỉ một số nội dung cam kết cần được quy định cụ thể hơn mới được nội luật hóa trong các văn bản dưới luật. Các nội dung quan tâm của doanh nghiệp nước ngoài cơ bản đều đã có quy định. |
|  | - Góp ý dự thảo Tờ trình: |  |
| 8.2 | + Phần I, mục 2, đề nghị bổ sung: từ 2010 đến nay các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do song  phương giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), với những cam kết mới và  cao hơn so với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). | Tiếp thu |
| 8.3 | + Phần I, mục 3 đề nghị bổ sung thêm những thành tựu hay hạn chế liên quan đến chính sách phát triển cho các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam trong nước phát triển, cụ thể đến nay thị trường viễn thông di động vẫn hơn 90% thuộc về doanh  nghiệp viễn thông nhà nước. Kết quả này vừa mang tính tích cực, nhưng cũng tiềm ần những thách thức, đặc biệt trong việc huy động các nguồn lực tham gia vào tiến  trình phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số sau này, cũng như đảm bảo một thị  trường viễn thông cạnh tranh lành mạnh như những cam kết quốc tế mà Việt Nam  đã tham gia.  Bên cạnh đó, những bất cập trong mục này cũng cần phải kể đến những xu thế phát triển các mô hình doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tích hợp (viễn thông – công nghệ thông tin và truyền thông – phát thanh và truyền hình, ...) mà Luật hiện hành chưa có quy định cụ thể, đồng thời chưa thực sự đáp ứng các nội dung cam kết quốc tế gần đây như việc thỏa thuận dùng chung hạ tầng viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, quy định về việc cung cấp dịch vụ thuê  kênh riêng cho các doanh nghiệp viễn thông, cho tổ chức và cá nhân, trung lập công  nghệ hay bán lại các dịch vụ viễn thông, ... | Bảo lưu.  Chính sách huy động các nguồn lực phát triển hạ tầng viễn thông đã được nêu rõ trong luật (Điều 4).  Bất cập đã đề cập đến việc xuất hiện các mô hình kinh doanh mới và dự thảo luật sửa đổi đã điều chỉnh chính sách về quản lý và điều tiết thị trường để giải quyết vấn đề bất cập này. |
| 8.4 | + Phần III, mục 1, đề nghị phiên sang tiếng Việt hoặc giải thích cụ thể dịch vụ IaaS (Dịch vụ hạ tầng ICT?). | Tiếp thu. |
| 8.5 | + Phần IV, tiểu mục 1.1, nên thay từ “thông lệ thế giới” thành “thông lệ quốc tế” để phù hợp với ngôn ngữ quốc tế thường dùng khi nói đến “thông lệ”. | Tiếp thu |
| 8.6 | + Phần IV, tiểu mục 1.2, nên Việt hóa doanh nghiệp SMP (thống lĩnh thị trường?) | Tiếp thu. |
| 8.7 | + Phần IV, tiêu mục 2.3, nên cân nhắc nghiên cứu và bổ sung thêm phương thức cấp phép dưới hình thức thông báo (notification) vì đây cũng là một hình thức trong điều khoảng về thủ tục cấp phép (Licensing Process) trong các hiệp định thương mại tự do. Hình thức này được áp dụng ở nhiều nước phát triển, thường áp dụng đối với các Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP). Chỉ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được thông báo sau một thời gian nhất định thì doanh nghiệp mới được chính thức hoạt động. | Đã điều chỉnh diễn giải các hình thức cấp phép trong đó có hình thức thông báo. |
| 8.8 | Đồng thời đề nghị cân nhắc nghiên cứu và bổ sung thêm các quy định liên quan đến quản lý nhà nước đối với hình thức chuyển nhượng quyền kinh doanh, nhượng giấy phép (consessions) vì khái niệm về giấy phép trong Hiệp định CPTPP có nêu. | Bảo lưu.  Kinh doanh dịch vụ viễn thông có đặc thù, khác với các hình thức kinh doanh có thể nhượng quyền do có ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông, cam kết của doanh nghiệp được cấp phép với cơ quan quản lý.  Riêng đối với trường hợp chuyển nhượng tần số vô tuyến điện thông qua đấu giá, Nghị định số 88/2021/NĐ-CP đã có các quy định liên quan về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông viễn thông cho việc chuyển nhượng tần số để phù hợp với quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện |
| 8.9 | Phần IV, mục 4, đề nghị phiên sang tiếng Việt doanh nghiệp CP (Doanh  nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung?). | Tiếp thu. |
| 8.10 | - Góp ý Báo cáo đánh giá tác động:  + Đề nghị tham chiếu các ý kiến góp ý nêu trên đối với các nội dung trùng với  Dự thảo Tờ trình Chính phủ. Bên cạnh đó, đề nghị Quý Cục cân nhắc không nên  nhắc lại toàn bộ đánh giá tại Phần I Báo cáo đánh giá tác động vào Tờ trình. | Nhất trí |
| 8.11 | + Đối với đánh giá tác động tích cực của chính sách 1, đề nghị cân nhắc bổ sung  thêm việc tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, thu hút nguồn lực đầu tư của xã hội  vào phát triển viễn thông, hạ tầng số, thúc đẩy thị trường viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và kinh tế số, xã hội số phát triển, đồng nghĩa với cơ hội lớn để thu ngân sách nhà nước từ các nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp. | Tiếp thu  Đã điều chỉnh chính sách theo hướng quản lý, thúc đẩy thị trường viễn thông, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh… và đã bổ sung đánh giá tác động. |
|  | - Góp ý Báo cáo tổng kết thi hành Luật: |  |
| 8.12 | + Phần II, Mục 10 về hợp tác quốc tế và đầu tư, xem xét (i) điều chỉnh lại thời gian Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới vào ngày 11/01/2007; (ii) bỏ JVFTA, đồng thời viết đầy đủ tên các hiệp định bằng tiếng Việt. Xem xét bổ sung thêm các hiệp định thương mại tự do trong thời gian gần đây như Hiệp định thương mại tự do song phương với Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam – Liên minh kinh tế Á – Âu (VN-EaEU FTA), Hiệp định thương mại dịch vụ nội khối ASEAN (ATISA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP), ... (iii) bổ sung thêm cả các đóng góp của Việt Nam đối với các văn kiện của cả Đại hội đồng ITU (PP). | Tiếp thu |
| 8.13 | Phần III, mục 2, phần nhận định về “hoạt động của dịch vụ vệ tinh ...”, đề nghị xem xét thay thế bằng nhận xét chung như sau: vướng mắc phát sinh từ các thỏa thuận  quốc tế mà Luật Viễn thông chưa có quy định, hoặc có cũng chưa được quy định rõ  ràng, cụ thể dẫn đến khó thực thi như: khái niệm dịch vụ viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ qua biên giới, cung cấp địa điểm đặt chung thiết bị tại các nhà trạm (thực và ảo), trung lập công nghệ, bán lại các dịch vụ viễn thông, quản lý việc cung cấp và giá cước dịch vụ thuê kênh riêng cho tổ chức và cá nhân, kết nối kênh thuê riêng, cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở phân tách phần tử mạng, ... | Bảo lưu.  Đã điều chỉnh các nội dung tổng kết và làm rõ vấn đề vướng mắc, bất cập. |
| 8.14 | Trên cơ sở các góp ý nêu trên, đề nghị Quý Cục cân nhắc để đưa vào Phần II – Định hướng sửa đổi, bổ sung luật viễn thông, và Đề cương dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi. | Nhất trí |
| *9* | *VP Bộ TTTT* |  |
| 9.1 | - Đề nghị xem xét, làm rõ để thống nhất về tên dự thảo Hồ sơ, hồ sơ đề nghị sửa đổi Luật Viễn thông (theo Tờ trình) hay hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Viễn thông (theo dự thảo Đề cương) | Tiếp thu |
| 9.2 | - Đề nghị xem xét, bổ sung các nội dung thể chế hóa các nghị quyết và văn kiện của Đảng đã được thể hiện như thế nào tại dự thảo Tờ trình cũng như tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông, đặc biệt là việc thể chế hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: “Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”. Trong đó, đề nghị bổ sung các nội dung mở rộng quyền của doanh nghiệp trong phát triển hạ tầng viễn thông hoặc giải quyết những khó khăn trong trong thực hiện quy hoạch viễn thông tại địa phương (thay đổi vị trí các trạm BTS), đặt trạm BTS tại đất công, hạ tầng dùng chung … | Các nội dung liên quan đến BTS trên đất công hiện đang được đề xuất giải quyết trong dự thảo NĐ 25 sửa đổi. |
| 9.3 | - Đề nghị bổ sung rõ việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật về “trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, định danh kết nối số, quản lý kinh doanh viễn thông bao gồm cả kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ IaaS” có bổ sung thêm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính hay không?; nếu có, đề nghị nêu rõ quy định, quản lý thế nào? | Tiếp thu, làm rõ trong đề xuất chính sách |
| 9.4 | - Đề nghị xem xét, bổ sung việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ, đặc biệt về điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông (được quy định tại Chương V Luật Viễn thông) cũng như thay đổi quản lý theo hướng phân cấp mạnh về địa phương theo Nghị quyết 76/NQCP và công văn số 1104/TTg-KSTT của Thủ tướng Chính phủ về đề án phân cấp Thủ tục hành chính | Nội dung này đã được đề cập trong đề xuất chính sách hoàn thiện các quy định về cấp phép. Dự thảo Nghị định 25 sửa đổi cũng đưa ra những quy định để đơn giản hóa TTHC, hướng dẫn cụ thể rõ ràng, đơn giản hơn cho doanh nghiệp. |
| 9.5 | - Để bảo đảm Luật ban hành có hiệu lực thi hành, đề nghị Quý Cục cần nêu rõ cần sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật nào (theo những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung) và dự kiến cụ thể thời gian hoàn thành cũng như các nguồn lực cần thiết để bảo đảm hoàn thành. | Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đã nêu rõ văn bản cần sửa đổi, bổ sung của từng chính sách. Thời gian dự kiến hoàn thành các văn bản tùy theo tiến độ xây dựng luật. |
| *10* | *Sở TTTT Bắc Ninh:* |  |
| 10.1 | Nội dung góp ý đã gửi theo góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật VT và dự thảo NĐ sửa đổi NĐ 25. Các nội dung khác nhất trí. | Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, xem xét những nội dung cần đưa vào Luật, các văn bản dưới luật hay điều chỉnh công tác thực thi. |
| *11* | *Sở TTTT Hà Nội:* |  |
| 11.1 | Nội dung góp ý đã gửi theo góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật VT và đề cương dự thảo luật ngày 8/6/2021. | Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, xem xét những nội dung cần đưa vào Luật, các văn bản dưới luật hay điều chỉnh công tác thực thi. |
| *12* | *Sở TTTT Lâm Đồng:* |  |
| 12.1 | - Để thống nhất phương án đầu tư đồng bộ hạ tầng viễn thông và ngành giao thông, cần có quy định: khi thực hiện dự án xây dựng mới cầu, đường, trước khi phê duyệt dự án phải bắt buộc gửi Sở Thông tin và Truyền thông địa phương lấy ý kiến nội dung về xây dựng hạ tầng kỹ thuật trước khi được phê duyệt (Sửa đổi khoản 1 Điều 59). | Bảo lưu.  Việc ngầm hoá sẽ phụ thuộc vào quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của từng địa phương, theo quy hoạch phát triển chung của tỉnh/thành phố cũng như cần đồng bộ với quy hoạch phát triển các lĩnh vực khác như giao thông, cấp thoát nước. |
| 12.2 | - Đề nghị nghiên cứu đưa vào sửa đổi Luật:  + Quy định cụ thể trách nhiệm của các chi nhánh các công ty viễn thông tại địa phương trong việc cung cấp thông tin thuê bao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. | Bảo lưu.  Đã có quy định chung trong Luật (Khoản 4 Điều 6). |
| 12.3 | + Quy định cụ thể các trường hợp mà doanh nghiệp viễn thông phải cung cấp thông tin thuê bao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (các trường hợp phục vụ xử lý vi phạm hành chính). | Bảo lưu.  Đã có quy định chung trong Luật (Khoản 4 Điều 6). Trường hợp cần thiết sẽ quy định cụ thể ở các VB dưới luật. |
| 12.4 | + Quy định cụ thể cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được yêu cầu doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp cung cấp thông tin thuê bao là những cơ quan nào. | Bảo lưu.  Đã có quy định chung trong Luật (Khoản 4 Điều 6). Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến quy định tại các luật khác. |
| 12.5 | + Quy định các trường hợp được yêu cầu tạm dừng cung cấp dịch vụ hoặc thu hồi thuê bao viễn thông do vi phạm hành chính có liên quan đến thuê bao (quảng cáo, rao vặt sai quy định, quấy rối, gây mất an ninh, ...). | Việc xử lý các trường hợp quảng cáo, rao vặt sai quy định, quấy rối, gây mất an ninh… nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật Quảng cáo và các luật khác. |
| 12.6 | + Quy định bắt buộc ngầm hóa, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật nhằm đảo bảo mỹ quan đô thị đối với các dự án khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu tái định cư, khu dân cư mới, các tuyến đường chính nâng cấp, cải tạo, mở rộng. | Việc ngầm hóa, sử dụng chung hạ tầng được mỗi tỉnh/thành phố đã được quy định ở điểm 3 điều 57 về Quy hoạch công trình viễn thông. Việc ngầm hóa được quy định trong quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của địa phương. Việc này sẽ phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. |
| 12.7 | + Quy định chế tài xử phạt các doanh nghiệp viễn thông không thu hồi, thanh thải cáp thuê bao, thiết bị viễn thông không còn sử dụng. | Việc thu hồi, thanh thải cáp thuê bao, thiết bị viễn thông không còn sử dụng đã được quy định tại các văn bản dưới luật (mục 2.8 Quy chuẩn số QCVN:33/2019/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT). |
| *13* | *Sở TTTT Lào Cai:* |  |
| 13.1 | - Góp ý dự thảo Tờ trình:  + Điểm 1.1 Mục 1 Phần II đề nghị sửa “thúc đẩy hạ tầng viễn thông sớm trở thành hạ tầng của nền kinh tế số, xã hội số...” thành “đảm bảo hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số, xã hội số...”. Vì trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia đã nêu hạ tầng viễn thông là hạ tầng của chuyển đối số; Chuyển đổi số gồm chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. | Tiếp thu |
| 13.2 | + Điểm 1.4 Mục 1 Phần II đề nghị sửa “bao gồm cáp quang, băng rộng di động 4G/5G”. Lý do: Không nên chỉ đích danh mạng 4G/5G vì tương lai sẽ còn phát triển hạ tầng băng rộng di động các thế hệ tiếp theo như 6G, 7G,... và lúc đó chưa chắc mạng 4G sẽ đáp ứng yêu cầu về mạng băng rộng di động (giống như mạng 3G hiện nay). | Tiếp thu |
| 13.3 | + Mục 1 Phần III đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét bổ sung phạm vi điều chỉnh: dịch vụ tài chính trên mạng viễn thông, dùng tài khoản viễn thông thanh  toán cho các các hàng hóa, dịch vụ giá trị nhỏ (mobile-Money); Viễn thông công ích và Ban quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Lý do: các nội dung đã nêu chưa có trong Luật quy định. | Bảo lưu  + Đã giải trình tại mục 4.10.  + Đã có quy định về Viễn thông công ích (Chương 3 Luật Viễn thông). Hoạt động của Ban quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được quy định bởi Bộ trưởng Bộ TTTT qua từng thời kỳ. |
| 13.4 | - Góp ý Báo cáo tổng kết:  Công văn số 520/STTTT-BCVTCNTT ngày 07/6/2021 về việc góp ý Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn Thông. | Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, xem xét những nội dung cần đưa vào Luật, các văn bản dưới luật hay điều chỉnh công tác thực thi. |
| 13.5 | - Góp ý Đề cương dự thảo: đề nghị bổ sung các điều khoản liên quan:  + Hoạt động của Ban quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại Chương III. Viễn thông công ích của Luật Viễn thông. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 13.3. |
| 13.6 | + Việc kết nối, kéo dài, chuyển tiếp, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ viễn thông từ mạng viễn thông công cộng tại Chương IV. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông của Luật Viễn thông. | Bảo lưu.  Không rõ nội dung cần bổ sung trong ý kiến góp ý. |
| 13.7 | + Việc triển khai dịch vụ tài chính trên mạng viễn thông, dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các các hàng hóa, dịch vụ giá trị nhỏ (mobile Money). | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 4.10. |
| *14* | *Sở TTTT Lạng Sơn:* |  |
| 14.1 | - Cùng với sự bùng nổ của công nghệ, dịch vụ viễn thông và nhu cầu sử dụng ngày càng cao đòi hỏi hạ tầng viễn thông phải đáp ứng kịp so với nhu cầu và đảm bảo mỹ quan đô thị. Theo đó việc chia sẻ sử dụng hạ tầng viễn thông là yêu cầu cấp thiết. Do vậy, đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 45, Điều 60 trong Luật Viễn thông tránh trùng lặp về nội dung. | Bảo lưu.  Điều 45 quy định về dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông  Điều 60 quy định về việc dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành viễn thông, giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng.  Do vậy việc quy định tại 2 điều này khác nhau, không trùng lặp. |
| 14.2 | - Căn cứ Khoản 30, Điều 1 Sửa đổi, bổ sung Điều 89 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Trong đó có quy định công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định của Chính phủ được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, ngày 30/6/2021 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2021/TT-BXD Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành. Trong đó bãi bỏ Thông tư số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Do đó để thống nhất giữa Luật Viễn thông và Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020. Đề nghị sửa đổi bổ sung danh sách công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tạo điều kiện cho doanh nghiệp xây dựng trạm thông tin di động mặt đất và phù hợp với Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại các địa phương. | Tiếp thu ý kiến và sẽ đồng bộ tại các văn bản dưới luật. |
| *15* | *Sở TTTT Điện Biên:* |  |
| 15.1 | - Theo Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 của Chính phủ, trong đó có Quyết nghị về việc lắp đặt các trạm thu phát sóng di động (BTS) của các doanh nghiệp viễn thông trên tài sản công hiện tại, cụ thể: Không xem xét lắp đặt, xây dựng mới trạm BTS cho đến khi có quy định mới của Chính phủ. Đề nghị có quy định cụ thể về nội dung này. Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất phương án cho phép xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên tài sản công để tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông bảo đảm cung cấp dịch vụ và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. - Nhiều vị trí trạm BTS dự kiến xây dựng mới nhằm mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng phủ sóng thông tin di động nằm trong khu vực đất rừng, rừng phòng hộ, các doanh nghiệp khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư lắp đặt. Đề nghị có quy định tháo gỡ khó khăn, vướng mắc này để các doanh nghiệp có thể đầu tư lắp đặt trạm BTS mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao chất lượng phủ sóng ở những khu vực này. | Điểm a, khoản 2, điều 14 đã quy định về quyền của DN viễn thông là được sử dụng không gian, mặt đất, lòng sông, lòng đất, đáy sông, đáy biển để xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy hoạch. Do vậy vướng mắc ở đây không phải nội dung cần sửa đổi, bổ sung ở luật.  Hiện nay, các bất cập này đã được đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định 25/2011/NĐ-CP.  Lắp đặt BTS trên đất rừng, rừng phòng hộ: Nghị định 53/2017/NĐ-CP đã có quy định Giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng bao gồm “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất”. |
| 15.2 | - Việc quản lý về kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất, chất lượng dịch vụ viễn thông, khuyến mại dịch vụ viễn thông chủ yếu do các cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện, phân cấp quản lý về Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh/thành chưa nhiều nội dung. Đề nghị quy định phân cấp, phân quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh/thành trực tiếp quản lý, thực hiện kiểm định, đo kiểm tại địa phương. | Bảo lưu.  Nếu các Sở trang bị đủ hệ thống thiết bị đo, được Bộ đánh giá và đủ điều kiện đo kiểm thì hoàn toàn có thể tự đo kiểm trên địa bàn; Việc phân cấp quản lý chất lượng dịch vụ đã được quy định rõ tại Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT.  Ngoài ra, hiện nay Bộ đã triển khai đo chất lượng dịch vụ tự động thông qua cảm nhận của người dung (QoE bằng i-Speed) và được công khai trên website của Cục Viễn thông.  Kiểm định: Việc thực hiện công tác quản lý kiểm định tuân theo Luật chuyên ngành là Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa nên không cần thiết quy định phân cấp trong Luật Viễn thông. |
| 15.3 | - Thực tế theo dõi trong công tác quản lý thuê bao di động trả trước, các chủ thuê bao có nhu cầu sử dụng từ 04 số thuê bao của một nhà mạng trở lên chỉ chiếm phần nhỏ, điều này tạo kẽ hở cho việc thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không đúng theo quy định, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, kiểm tra. Đề nghị quy định giới hạn số lượng thuê bao điện thoại đăng ký thông tin bởi một cá nhân, tổ chức. Đối với người có nhu cầu sử dụng nhiều số thuê bao điện thoại di động đề nghị sử dụng các dịch vụ như MultiSIM. | Nội dung đã được nghiên cứu, đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 25. |
| *15* | *Sở TTTT Hải Phòng:* |  |
| 16.1 | - Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại Điều 58 về đất sử dụng cho công trình viễn thông đảm bảo phù hợp với Luật quản lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn có liên quan. | Đã giải trình tại mục 15.1. |
| 16.2 | - Đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung giao trách nhiệm hướng dẫn cụ thể nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 59 quy định “Tổ chức, cá nhân xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông phải thông báo cho cơ quan quản lý về viễn thông tại địa phương”, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính. | Bảo lưu.  Hạ tầng kỹ thuật viễn thông là một bộ phận của công trình viễn thông (điểm 17 điều 18). Tại khoản 2 điều 59 quy định việc xây dựng công trình viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại địa phương. Do vậy, cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương đã quản lý được hoạt động xây dựng này. Để hướng dẫn cụ thể hơn, sẽ nghiên cứu và hướng dẫn tại văn bản dưới luật. |
| 16.3 | Bổ sung nội dung giải thích các cụm từ: “IaaS”, “QoS”, “dịch vụ M2M”, ...; chỉnh sửa từ viết tắt “CP”, ... | Tiếp thu. |
| *17* | *Sở TTTT Hà Giang:* |  |
| 17.1 | - Việc dùng chung hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông trên cùng một địa bàn: hiện nay khó thực thi, phụ thuộc rất nhiều vào sự thoả thuận giữa các doanh nghiệp. | Đề nghị có ý kiến đề xuất cụ thể. |
| 17.2 | - Việc chấp nhận hướng tuyến trong việc cấp phép công trình viễn thông: các quy định hiện nay, trong một số trường hợp cấp phép xây dựng công trình viễn thông, yêu cầu thành phần hồ sơ phải có xác nhận hướng tuyến của cơ quan chuyên ngành. Đề nghị chuyển việc xác nhận hướng tuyến từ tiền kiểm, sang hậu kiểm để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông. | Bảo lưu.  Việc phải có xác nhận hướng tuyến của cơ quan chuyên ngành để đảm bảo cho việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo đúng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động cũng như các hạ tầng kỹ thuật của ngành giao thông, tránh việc xây dựng sai quy hoạch. |
| *18* | *Sở TTTT Đồng Nai:* |  |
| 18.1 | - Tại mục 2/III “Những vướng mắc, bất cập trong lĩnh vực viễn thông và khi tổ chức triển khai thực hiện các quy định trong Luật Viễn thông” của báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông (trang 41), đề nghị bổ sung vướng mắc, bất cập về việc đầu tư và chia sẻ hạ tầng kỹ thuật thụ động (tuyến cống, bể ngầm, cột trụ treo cáp, cột trụ điện…) trên tài sản công. Mặc dù đã có Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tuy nhiên phương pháp xác định giá thuê chưa tính đến yếu tố các công trình này được xây dựng trên tài sản công và việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật thụ động trên đất công chưa đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh. | Tiếp thu bổ sung vào báo cáo tổng kết.  Tiếp thu sẽ phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn giá cho thuê hạ tầng trên đất công ở văn bản dưới luật.  Đã giải trình tại mục 15.1. |
| 18.2 | - Đề nghị xem xét bổ sung quy định về giá thuê khi đầu tư và chia sẻ hạ tầng kỹ thuật thụ động trên tài sản công trong hồ sơ sửa đổi Luật Viễn thông. | Bảo lưu.  Tiếp thu sẽ phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn giá cho thuê hạ tầng trên đất công ở văn bản dưới luật. |
| 18.3 | - Đề nghị xem xét điều chỉnh tên của Điều 45 Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 vì ngoài hạ tầng viễn thông còn có chia sẻ các cột trụ điện giữa doanh nghiệp viễn thông và Công ty TNHH MTV Điện lực. | Bảo lưu.  Cơ sở hạ tầng viễn thông bao gồm công trình viễn thông trong đó có nhà, trạm, cột, cống, bể (Điều 3 Khoản 17). Do đó, điều khoản quy định về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông là phù hợp. |
| *19* | *Sở TTTT Đà Nẵng:* |  |
| 19.1 | Về xây dựng trạm BTS trên tài sản công: áp dụng Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, tuy nhiên, việc thuê tải sản trực tiếp không áp dụng cho việc lắp đặt trạm BTS, còn hình thức đấu giá sẽ gây khó khăn trong việc các doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu lắp đặt trong các tòa nhà, đất là tài sản công. | Đã giải trình tại mục 15.1.  Tiếp thu sẽ phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn giá cho thuê hạ tầng trên đất công ở văn bản dưới luật. |
| 19.2 | Xây dựng quy định cụ thể các nội dung về phối hợp liên ngành giúp các doanh nghiệp triển khai nhanh chóng, đồng bộ hạ tầng viễn thông (bao gồm cả hạ tầng viễn thông thụ động) với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như:cầu, đường, khu công nghiệp, khu dân sinh, an ninh, quốc phòng, trên đất công,... tại địa phương và tổng thể trên toàn quốc. Quy định cụ thể việc chia sẻ dùng chung hạ tầng viễn thông và ngầm hóa (kể cả cáp truyền hình), xử lý triệt để rác viễn thông. | Nội dung chia sẻ hạ tầng liên ngành đã được quy định tại chương IX về công trình viễn thông, cụ thể điều 60 đã giao Chính phủ quy định. Tại Nghị định 72/2021/NĐ-CP quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.  Về xử lý rác viễn thông: nội dung này đang được thực thi và đã có báo cáo Quốc hội và đã được đánh giá, ghi nhận về kết quả thực hiện. |
| 19.3 | Đề nghị bổ sung các nội dung điều chỉnh đối với Chương V: Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, trong đó chỉ đề cập đến việc mở rộng đối với quy định về thuê bao điện thoại cố định. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung mở rộng đối với quy định về thuê bao Internet cố định, thuê bao điện thoại di động để phù hợp với tình hình thực tế về dịch vụ viễn thông hiện nay. | Các nội dung quy định về thuê bao Internet cố định, thuê bao điện thoại di động đang được quy định ở nghị định 25 và đang phù hợp với tình hình thực tế và dịch vụ viễn thông hiện nay. |
| *20* | *Sở TTTT Tiền Giang:* |  |
|  | - Góp ý đề cương dự thảo: |  |
| 20.1 | + Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về ngăn chặn khẩn cấp và ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông đối với trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông để lừa đảo, quấy rối, làm phiền các cá nhân, tổ chức. (Do hiện tại Luật chỉ mới quy định đối với trường hợp bạo động, bạo loạn, sử dụng dịch vụ viễn thông xâm phạm an ninh quốc gia, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). | Tại điều 12 Các hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông đã quy định các hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông.  Tiếp thu ý kiến và sẽ nghiên cứu đưa vào các văn bản hướng dẫn dưới luật. |
| 20.2 | + Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về Tổng đài hành chính công 1022 vào nhóm Dịch vụ Viễn thông công ích hoặc Dịch vụ viễn thông khẩn cấp; đồng thời miễn cước gọi đến Tổng đài hành chính công 1022 cho người dân. | Bảo lưu.  Dịch vụ viễn thông khẩn cấp được quy định tại điều 29, nội dung đề xuất về tổng đài hành chính 1022 không thuộc danh mục các dịch vụ khẩn cấp. Khi triển khai Tổng đài hành chính công 1022 nên nghiên cứu theo hướng đưa chi phí vào hoạt động của hoạt động hành chính công. |
| 20.3 | + Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về miễn giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, tạo hành lang pháp lý để phát triển mạnh hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng số, phát triển xã hội số, kinh tế số. | Tiếp thu ý kiến và sẽ đồng bộ tại các văn bản dưới luật. |
| *21* | *Mobifone:* |  |
|  | - Góp ý đề cương dự thảo: |  |
| 21.1 | + Điều 1, 2: Mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả kinh doanh ***dịch vụ điện toán đám mây.*** | Bảo lưu.  Phạm vi điều chỉnh chỉ bổ sung thành phần trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, không bao gồm dịch vụ điện toán đám mây. |
| 21.2 | + Điều 3: Định nghĩa lại các thuật ngữ: viễn thông, dịch vụ viễn thông khi mở rộng phạm vi điều chỉnh (dịch vụ M2M, trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, định danh kết nối số…), cụ thể như sau:  \_ Viễn thông là việc gửi, truyền, nhận, ***lưu trữ*** và xử lý ký hiệu, tín hiệu…  \_ Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận, ***lưu trữ*** và xử lý thông tin giữa hai hoặc… | Bảo lưu.  Bổ sung thành phần trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông, không làm thay đổi các thuật ngữ. |
| 21.3 | + Điều 4: Đề nghị bổ sung thêm nội dung:  \_ Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực viễn thông: nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển giao, làm chủ công nghệ, triển khai dự án KH&CN để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới. | Bảo lưu.  Nội dung này đã lồng ghép vào các ý khác trong chính sách của Nhà nước về viễn thông, không cần quy định riêng. |
| 21.4 | + 19. Bổ sung Điều khoản về mở rộng phạm vi hoạt động viễn thông khi hạ tầng viễn thông phát triển:  \_ Bổ sung các quy định liên quan đến việc thiết lập trung tâm dữ liệu và cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ ***điện toán đám mây;***  \_ Bổ sung quy định về QoS với việc cung cấp dịch vụ ***điện toán đám mây***…  \_ Bổ sung quy định trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ***điện toán đám mây***… | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 21.1. |
| *22* | *VNPT* |  |
| 22.1 | - Để thuận tiện cho việc theo dõi và triển khai, VNPT đề xuất hình thức ban hành Luật Viễn thông mới để thay thế Luật cũ. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 3.1. |
| 22.2 | - Đề nghị xem xét kỹ những vấn đề, những đối tượng... không hoàn toàn chỉ thuộc về duy nhất lĩnh vực viễn thông mà còn thuộc lĩnh vực khác như công nghệ thông tin để tránh chồng chéo. Hiện tại Việt Nam đang có Luật Viễn thông và Luật Công nghệ thông tin, mà nhiều đối tượng mới đang dự kiến bổ sung vào quản lý bởi Luật Viễn thông (ví dụ như các trung tâm dữ liệu...) thì cũng thuộc đối tượng quản lý của Luật Công nghệ thông tin. | Bảo lưu.  Luật Công nghệ thông tin chưa có quy định cụ thể về trung tâm dữ liệu. Đã giải trình tại điểm 1.2. |
| 22.3 | - Đề nghị xem xét đối với những vấn đề, những mặt hoạt động mà trong công tác quản lý có thể áp dụng các chế tài đã được quy định bởi những Luật khác như Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch... cần hạn chế đưa vào thêm các quy định có tính đặc thù, riêng có để tránh chồng chéo, có thể tạo ra cản trở hoạt động viễn thông. | Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, xem xét những nội dung có thể áp dụng các chế tài được quy định bởi luật chung và các quy định riêng trong lĩnh vực viễn thông để phù hợp để quản lý. |
|  | - Góp ý dự thảo Đề cương: |  |
| 22.4 | + Đề xuất sửa đổi Điều 19 Luật Viễn thông theo hướng Bộ TTTT ban hành Danh mục doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với từng dịch vụ viễn thông quan trọng mà Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. | Tiếp thu.  Sửa đổi Điều 19 Luật Viễn thông để phù hợp với Luật Cạnh tranh và định hướng quản lý doanh nghiệp SMP trên một số thị trường liên quan nhất định theo thông lệ quốc tế. |
| 22.5 | + Bổ sung giải thích từ ngữ về khái niệm “hạ tầng mạng” để có cơ sở cho việc xác  định trách nhiệm tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Điều 14 Luật Viễn thông. Bổ sung giải thích về các khái niệm “dịch vụ nội dung”, “dịch vụ cơ bản”, “dịch vụ giá trị gia tăng”. | Tiếp thu.  Xem xét bổ sung các định nghĩa cần đưa vào Điều 3 cho phù hợp. |
| 22.6 | + Đề xuất bổ sung định nghĩa rõ hơn về khái niệm “phương tiện thiết yếu” để có thể  xác định Danh mục doanh nghiệp viễn thông nắm giữa phương tiện thiết yếu. Đến nay Bộ TTTT chưa ban hành Danh mục này. | Tiếp thu.  Xem xét và có hướng dẫn tại văn bản dưới luật. |
| 22.7 | + Đề xuất bổ sung định nghĩa và các quy định liên quan đến Nhà mạng di động ảo  (MVNO), hiện nay loại hình Doanh nghiệp này chưa có quy định tại Luật Viễn thông. | Tiếp thu.  Xem xét bổ sung các định nghĩa cần đưa vào Điều 3 cho phù hợp. |
| 22.8 | + Đề xuất bổ sung quy định về phân loại mạng viễn thông công cộng trong Luật Viễn thông để làm cơ sở để các văn bản hướng dẫn khác tham chiếu. Hiện nay có sự không đồng bộ giữa Nghị định 25/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Thông tư 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. | Bảo lưu.  Đã quy định trong Nghị định 25/2011/NĐ-CP và hiện đang sửa đổi Nghị định theo hướng chỉ phân loại theo phạm vi thiết lập mạng. Sau khi Nghị định này được ban hành sẽ tiến hành sửa đổi Thông tư 03/2018/TT-BTC để đồng bộ. |
| 22.9 | + Đề xuất bổ sung chính sách, quy định để hỗ trợ mạng cố định, ví dụ như:  (i) Doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam cần phải sử dụng điện thoại cố định để đăng ký với các cơ quan QLNN, do điện thoại cố định có địa điểm lắp đặt chính xác nên qua đó tăng cường hoạt động quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả, góp phần ngăn ngừa tình trạng thành lập các doanh nghiệp để hoạt động phi pháp.  (ii) Có hàng lang pháp lý để hỗ trợ cước kết nối đối với thuê bao mạng cố định. | Tiếp thu để nghiên cứu, xem xét quy định ở văn bản hướng dẫn luật. |
| 22.10 | + Đề nghị xem xét hủy bỏ Điều 30 Luật Viễn thông “Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định”, điều khoản này gây ra sự không công bằng giữa thuê bao cố định và thuê bao di động. Bảo mật thông tin thuê bao được quy định tại Khoản 4 Điều 6 Luật Viễn thông và không có quy định về việc tra cứu danh bạ thuê bao di động, tuy nhiên Điều 30 lại bắt buộc các Doanh nghiệp phải cung cấp khả năng tra cứu đối với điện thoại cố định. | Do dịch vụ điện thoại cố định là dịch vụ cơ bản, thiết yếu nên việc quy định dịch vụ tra cứu số thuê bao điện thoại cố định là cần thiết. Việc hướng dẫn về việc thuê bao không mong muốn đưa tên và địa chỉ vào danh bạ đã được quy định tại điểm 1 điều 30. |
| 22.11 | + Đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều 31 Luật Viễn thông về quy định dịch vụ báo hỏng  cho các loại hình dịch vụ, không chỉ riêng cho thuê bao cố định. | Bảo lưu.  Dịch vụ điện thoại cố định là dịch vụ cơ bản, thiết yếu nên nội dung báo hỏng này được quy định tại luật.  Thực tế các dịch vụ khác hiện nay đều rất đa dạng trong hinh thức báo hòng như qua web, chat, email… nên không cần thiết đưa vào luật. |
| 22.12 | + Đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều 32 Luật Viễn thông quy định Lập hóa đơn và thanh  toán giá cước dịch vụ viễn thông, trong đó bao gồm cả thuê bao trả trước. | Bảo lưu.  Đối với hình thức trả trước, quy định tại Khoản 2 Điều 32 là phù hợp. |
| 22.13 | + Đề xuất bổ sung quy định về quản lý dịch vụ xuyên biên giới, các dịch vụ ứng dụng, dịch vụ OTT trên hạ tầng mạng viễn thông (Viber, Whatsapp, Zoom, Zalo...) | Tiếp tục nghiên cứu, xem xét trong quá trình dự thảo luật sửa đổi. |
| 22.14 | + Điều 1, khoản 1: Bổ sung, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, định danh kết nối số, quản lý kinh doanh viễn thông bao gồm cả kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ IaaS, *SaaS, PaaS, DaaS*. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 21.4. |
| 22.15 | + Điều 1, khoản 2: Sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, định danh kết nối số, quản lý kinh doanh viễn thông bao gồm cả kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ IaaS, *SaaS, PaaS, DaaS*.  Bổ sung các khái niệm “thị trường bán buôn”, “quản lý cạnh tranh theo thị trường bán buôn”. Lý do: Để đồng bộ với đề xuất bổ sung thêm các dịch vụ SaaS, PaaS, DaaS. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 21.4. |
| 22.16 | + Điều 1, khoản 3: Ngoài nội dung dự thảo, đề xuất bổ sung thêm các khái niệm và quy định có liên quan đến dịch vụ nội dung số, hệ sinh thái số… được cung cấp trên hạ tầng viễn thông. | Bảo lưu.  Các dịch vụ nội dung số không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông |
| 22.17 | + Điều 1, khoản 4: Sửa đổi, điều chỉnh chính sách của Nhà nước về viễn thông để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của luật khi mở rộng thêm trung tâm dữ liệu, kết nối IoT, định danh kết nối số, *hệ sinh thái số, dịch vụ IaaS, SaaS, PaaS, DaaS*. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 21.4. |
| 22.18 | + Điều 1, khoản 10: Ngoài nội dung như dự thảo, đề xuất bổ sung quy định về tổ chức hoạt động của dịch vụ khẩn cấp. Lý do: hiện nay tại mô hình tổ chức dịch vụ khẩn cấp tại các địa phương khác nhau, rất đa dạng. | Bảo lưu.  Việc quy định về tổ chức hoạt động của dịch vụ khẩn cấp đã quy định ở luật. Tiếp thu ý kiến và sẽ tổ chức thực hiện ở văn bản dưới luật để thống nhất trong toàn quốc. |
| 22.19 | + Điều 1, khoản 18: Đề xuất bỏ nội dung này. Lý do: Quan hệ hợp tác cung cấp dịch vụ đến khách hàng giữa Doanh nghiệp viễn thông và CP được điều chỉnh bởi Luật Dân sự và Luật Thương mại thông qua các Hợp đồng kinh tế, có sự đồng thuận của các bên liên quan nhằm mang lại lợi ích cho các bên và khách hàng. Vì vậy Luật Viễn thông không nên mở rộng phạm vi điều chỉnh tới quan hệ này. | Đã điều chỉnh chính sách, không còn quy định quyền và trách nhiệm của CP. |
| 22.20 | + Điều 1, khoản 19: Ngoài nội dung như dự thảo, đề xuất bổ sung quy định về các dịch vụ SaaS, PaaS, DaaS | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 21.4. |
| 22.21 | + Đề xuất bổ sung Điều khoản về "Dịch vụ ứng dụng viễn thông": Làm rõ khái niệm dịch vụ ứng dụng viễn thông; Phân biệt Dịch vụ viễn thông và Dịch vụ ứng dụng viễn thông | Bảo lưu.  Luật đã có nêu rõ khái niệm về dịch vụ ứng dụng viễn thông (Điều 3 Khoản 8). |
|  | - Góp ý vào "Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông": |  |
| 22.22 | Phần II của Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Viễn thông đối với nội dung Chính sách quản lý và điều tiết thị trường (Chính sách 1) nêu sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng như sau: c) Thực hiện hạch toán riêng chi phí đối với các dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn...  VNPT đề xuất: Thay từ "hạch toán" bằng từ "tính toán" để thành câu": c) Thực hiện tính toán riêng chi phí đối với các dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn...  Lý do là: Nhiều dịch vụ viễn thông sử dụng chung hạ tầng mạng: thiết bị mạng, tổng đài, truyền dẫn, nhà trạm... và nhân công nên chỉ có thể tính toán chi phí riêng từng dịch vụ viễn thông (bằng phương pháp phân bổ chi phí). Không thể thực hiện hạch toán chi phí riêng dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn. Đề xuất sửa đổi Luật Viễn thông theo hướng nêu trên | Đã điều chỉnh chính sách, không còn quy định về việc thực hiện hạch toán riêng. |
| *23* | *Viettel:* |  |
|  | \* Một số hạn chế, bất cập: |  |
| 23.1 | - Về quản lý hạ tầng viễn thông:  + Luật chưa có chính sách thúc đẩy dùng chung, chia sẻ hạ tầng viễn thông, tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng viễn thông để phục vụ cho chiến lược chuyển đổi số quốc gia. | Bảo lưu.  Luật đã có quy định về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông ở điều 45 và điều 60. Tiếp thu để xây dựng chính sách thúc đẩy dùng chung được cụ thể hóa trong các văn bản dưới luật và giải pháp thực thi. |
| 23.2 | + Chưa có các chính sách về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng viễn thông tại các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị… Đây là các khu vực đang phát triển rất nhanh trong thời gian vừa qua và trong thời gian tới. Nếu không có các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng viễn thông tại các khu vực này thì hạ tầng viễn thông ở đây sẽ có nguy cơ phát triển tự phát, chất lượng không đảm bảo, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ viễn thông cung cấp cho người sử dụng. | Tiếp thu, hiện nay nội dung này Bộ TTTT đang phối hợp Bộ xây dựng đang sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến hạ tầng kỹ thuật trong các công trình xây dựng. |
| 23.3 | + Chưa có chính sách phối hợp giữa ngành Thông tin và truyền thông với các ngành khác (giao thông, xây dựng…) để xây dựng kết cấu hạ tầng nói chung và hạ tầng viễn thông nói riêng của quốc gia đảm bảo đồng bộ, hiệu quả. | Đã có quy định tại điều 45 và 60 trong Luật Viễn thông và Nghị định 72/2012/NĐ-CP. Tiếp thu để tổ chức các giải pháp thực thi. |
| 23.4 | - Về chính sách cấp phép viễn thông:  + Chưa có chính sách cấp phép viễn thông trong trường hợp thiết lập mạng viễn thông khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Thực tế công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa qua cho thấy đây là một vấn đề cấp thiết, cần được bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong các trường hợp cần thiết lập mạng viễn thông trong các tình huống khẩn cấp. | Bảo lưu.  Điều 5 Khoản 5 Luật Viễn thông đã có quy định: “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được huy động một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh quốc gia và tình trạng khẩn cấp”. |
| 23.5 | + Vấn đề cấp phép cho doanh nghiệp đầu tư, thiết lập các tuyến cáp quang biển còn rất nhiều lúng túng, bất cập, làm hạn chế cơ hội đầu tư của doanh nghiệp. | Tiếp thu và sẽ phối hợp với Bộ KHĐT hướng dẫn về thủ tục đầu. |
| 23.6 | - Về chính sách viễn thông công ích: Thiết kế chính sách viễn thông công ích chưa phù hợp với thực tế thị trường viễn thông, thể hiện: |  |
| 23.7 | + Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích được sử dụng chưa phù hợp với mục đích đã đề ra ban đầu. | Nghiên cứu, tiếp thu điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình thực thi. |
| 23.8 | + Kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, kinh phí các doanh nghiệp viễn thông đóng góp vào Quỹ vẫn còn khá lớn, chưa giải ngân được. Hiện tại, các DNVT được thông báo dừng đóng góp vào Quỹ. | Tiếp thu. Thực thế đã có điều chỉnh mức đòng góp và đã có điều chỉnh trong kế hoạch 2021-2025. |
| 23.9 | - Chính sách quản lý cạnh tranh: Quy định về tập trung kinh tế chưa phù hợp với Luật Cạnh tranh 2018. | Tiếp thu. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh quy định trong quá trình dự thảo luật sửa đổi. |
| 23.10 | - Chính sách về quản lý dịch vụ nội dung, dịch vụ xuyên biên giới chưa theo kịp với sự phát triển của công nghệ, thị trường | Tiếp tục nghiên cứu, xem xét trong quá trình dự thảo luật sửa đổi. |
|  | \* Một số nội dung đề nghị sửa đổi bổ sung: |  |
|  | - Về phạm vi điều chỉnh và một số khái niệm trong Luật Viễn thông |  |
| 23.11 | + Cân nhắc việc bổ sung, mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật theo hướng thêm trung tâm dữ liệu và kết nối IoT vào Luật Viễn thông vì:  ` Trung tâm dữ liệu là một thành phần của hệ thống công nghệ thông tin, nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Công nghệ thông tin, không nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông, gây chồng chéo không cần thiết.  ` Đối với kết nối IoT thì chỉ nên đưa vào quản lý các kết nối IoT có sử dụng tài nguyên viễn thông được cấp phép (tần số, kho số). Đối với các kết nối IoT không sử dụng tài nguyên viễn thông được cấp phép thì không cần quản lý (ví dụ: Thiết bị IoT sử dụng kết nối wifi, bluetooth… thì không cần quản lý). | Bảo lưu.  + Đã giải trình tại mục 1.2.  + Tiếp thu, nghiên cứu và nghiên cứu bổ sung quản lý về định danh kết nối IoT. |
| 23.12 | + Bổ sung khái niệm liên quan đến điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình áp dụng quy định vào thực tiễn cung cấp dịch vụ viễn thông.  Theo QĐ 316/QĐ-TTg về triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money thì Viettel và các DNVT khác được triển khai điểm kinh doanh dịch vụ mobile money tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông khác là pháp nhân được DNVT ký hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên, quy định hiện hành không có khái niệm “Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông” mà chỉ có khái niệm “Đại lý dịch vụ viễn thông” và “việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được thực hiện tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông”. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong quá trình cung cấp dịch vụ. | Nghiên cứu, xem xét trong các văn bản dưới luật. |
| 23.13 | + Bổ sung thêm khái niệm mạng viễn thông di động dùng riêng có sử dụng đường truyền dẫn vô tuyến, sử dụng băng tần vô tuyến điện.  Với sự ra đời và phát triển của các công nghệ mới thì các mạng viễn thông di động dùng riêng sử dụng băng tần vô tuyến điện sẽ xuất hiện tại các nhà máy, khu công nghiệp, khu công nghệ cao… là tất yếu trong tương lai. Do đó, cần phải bổ sung khái niệm này vào Luật Viễn thông. | Tiếp thu.  Bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 24 Luật Viễn thông: “Mạng viễn thông dùng riêng có đường truyền dẫn vô tuyến, sử dụng băng tần số vô tuyến điện do tổ chức xây dựng”. |
|  | - Về chính sách thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ: |  |
| 23.14 | + Bổ sung quy định DNVT được phép trao đổi thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông phục vụ chuyển mạng giữ nguyên số và quy định các DNVT được phép kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác (vd: dữ liệu liên quan đến tín dụng) để phục vụ công tác quản lý, chuẩn hóa thông tin thuê bao.  Hiện tại, đối với dịch vụ chuyển mạng giữ số, các DNVT phải trao đổi thông tin thuê bao với nhau để đảm bảo điều kiện chuyển mạng về thông tin thuê bao chính xác. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật Viễn thông, việc các DN trao đổi thông tin như trên là vi phạm PL. Mặt khác, hiện nay, các DNVT chưa có biện pháp xác minh tính chính xác khi khách hàng sử dụng căn cước công dân để đăng ký thông tin thuê bao. Nếu được kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, kết nối với các CSDL khác (ví dụ dữ liệu liên quan đến tín dụng) thị DNVT mới có thể xác minh được tính chính xác của thông tin thuê bao, đồng thời, kiểm soát các thông tin về tín dụng (nợ) của chủ thuê bao khi thực hiện chuyển mạng giữ số. | Bảo lưu.  Đã giải trình tại mục 4.3. |
| 23.15 | + Sửa đổi, bổ sung thống nhất một loại thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông:  ` Luật Viễn thông 2019 đang quy định 01 loại thông tin là “thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông, gồm: tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà người sử dụng đã cung cấp khi giao kết hợp đồng của DN”.  ` Nghị định 49 hướng dẫn Luật Viễn thông đang quy định 01 loại thông tin là “Thông tin thuê bao, gồm: số thuê bao; đối tượng sử dụng; Thông tin trên giấy tờ tùy thân; Bản số hóa toàn bộ các giấy tờ, Ảnh chụp khách hàng; Hình thức thanh toán giá cước; Họ tên nhân viên giao dịch…  Hai loại thông tin trên có một số thông tin trùng nhau, một số thông tin khác nhau. Do đó, cần thiết thống nhất một loại thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông và mục đích được sử dụng như phục vụ hoạt động quản lý nghiệp vụ, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ của các DNVT. | Bảo lưu.  Thông tin riêng và thông tin thuê bao đều liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông nhưng có nội hàm và phạm vi quy định khác nhau. |
|  | - Về chính sách quản lý hạ tầng viễn thông |  |
| 23.16 | + Bổ sung chính sách quy hoạch về công nghệ, tần số nhằm giúp cho doanh nghiệp chủ động trong việc dừng khai thác các công nghệ viễn thông không còn phù hợp và triển khai các công nghệ mới.  Hiện nay Bộ TTTT đang thúc đẩy quá trình dừng khai thác hạ tầng viễn thông di động không còn phù hợp (2G/3G) để có tần số cho mạng 4G, 5G và thúc đẩy chuyển đổi số ở VN. Tuy nhiên, để có thể tắt mạng 2G, tỷ lệ đầu cuối 2G trên mạng phải giảm xuống dưới 5%. Thực tế, đến quý I/2021, tỷ lệ đầu cuối 2G nhập khẩu/ tổng thiết bị đầu cuối khoảng 28%; vùng phủ 4G thoại VoLTE phải thay thế được cho vùng phủ 2G (tương ứng tăng vùng phù 4G từ 90% hiện nay lên 98%). Do đặc điểm về mặt công nghệ (chênh lệch 9dB), để đảm bảo vùng phủ 4G đạt 98% thì Viettel cần đầu tư bổ sung 20.000 – 30.000 trạm 4G mới. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Viettel. Do đó, Viettel đề xuất cơ quan quản lý cần có chính sách quy hoạch về công nghệ, tần số để Viettel cũng như các DNVT khác chủ động trong việc dừng khai thác các công nghệ cũ, triển khai các công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ VT. | Tiếp thu ý kiến; hiện nay trong quá trình hướng dẫn thực thi luật Viễn thông và luật Tần số, quy hoạch tần số đang được sửa đổi theo hướng thông tin sớm 2-3 năm trước thời điểm hết hạn giấy phép về quy hoạch nhằm tạo điều kiện chủ động cho doanh nghiệp trong việc kinh doanh, triển khai, đầu tư mạng lưới.  Thực tế, Giấy phép công nghệ 2G và 3G sẽ hết hạn vào tháng 9/2024 nhưng từ năm 2020 Bộ TTTT đã đề cập đến vấn đề quy hoạch lại tần số, dừng công nghệ không còn phù hợp để các DN trao đổi, thống nhất kế hoạch thực hiện. |
| 23.17 | + Bổ sung chính sách về các tiêu chuẩn, quy chuẩn hạ tầng viễn thông trong các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị.  Hiện nay, việc triển khai hạ tầng viễn thông tại các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị do một DNVT ký hợp đồng hợp tác độc quyền triển khai với chủ đầu tư dự án, dẫn tới không có sự cạnh tranh về giá, chất lượng dịch vụ, khách hàng không có sự lựa chọn dịch vụ sử dụng theo mong muốn. Nhiều dự án tòa nhà, hệ thống cáp viễn thông thụ động được đầu tư xây dựng bởi các đối tác thứ cấp. Các thiết bị OLT/SW, mạng cáp trong tòa nhà của đối tác thứ cấp không đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai hạ tầng, đảm bảo chất lượng dịch vụ của khách hàng. Nhiều tòa nhà có hệ thống DAS do các đơn vị xã hội hóa xây dựng, quản lý, tỷ lệ dùng chung hệ thống DAS cao. Do chưa bắt buộc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật DAS dẫn tới chất lượng mạng di động trong các tòa nhà chưa được đảm bảo; mặt khác, hạ tầng DAS được xây dựng bởi các đơn vị xã hội hóa cũng chưa đảm bảo chất lượng. Do đó, cần thiết phải bổ sung chính sách về các tiêu chuẩn, quy chuẩn hạ tầng viễn thông trong các tòa nhà, khu công nghiệp, khu đô thị nhằm đảm bảo chất lượng hạ tầng và dịch vụ viễn thông tại các khu vực này. | Tiếp thu, hiện nay nội dung này Bộ TTTT đang phối hợp Bộ xây dựng đang sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến hạ tầng kỹ thuật trong các công trình xây dựng. |
| 23.18 | + Bổ sung chính sách phối hợp giữa ngành TTTT với ngành Giao thông trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông dọc theo các tuyến đường giao thông (quốc lộ, tỉnh lộ…)  Hiện nay, đối với các tuyến đường giao thông, nhất là các tuyến cao tốc, đường hầm, đường trên cao, tuyến tàu điện ngầm, hệ thống cầu đường… ngay từ khâu xây dựng của một số dự án, thiết kế cho hệ thống viễn thông đi kèm không đảm bảo cho việc lắp đặt. Các DNVT phải tự triển khai phủ sóng bằng các giải pháp đơn lẻ, dùng các vị trí đặt anten từ xa phủ đến dẫn đến không đảm bảo chất lượng và thiếu đồng bộ. Việc triển khai tuyến truyền dẫn mới, đặc biệt là tuyến đường trục quốc gia phụ thuộc nhiều vào công tác đầu tư triển khai mới hoặc thuê lại hạ tầng viễn thông có sẵn (cống bể kéo cáp quang) trên các tuyến đường cao tốt (đang/dự kiến triển khai, đã đưa vào khai thác) của nhà đầu tư. Do đó, việc quy định về chính sách phối hợp giữa ngành TTTT với ngành Giao thông trong việc xây dựng hạ tầng viễn thông dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ… là rất cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ của kết cấu hậ tầng nói chung, nâng cao hiệu quả đầu tư kết cấu hạ tầng của quốc gia. | Tiếp thu.  Hiện nay tại điều 60 đã quy định về chia sẻ hạ tầng kỹ thuật liên ngành và Chính phủ đã có Nghị định số 72/2012/NĐ-CP hướng dẫn.  Điều 57 cũng đã hướng dẫn về quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động để thực thi việc dùng chung giữa các ngành trên địa bàn tỉnh.  Trong quá trình thực thi, Bộ TTTT sẽ phối hợp với các Bộ Giao thông, Xây dựng để tổ chức thực hiện. |
| 23.19 | + Bổ sung quy định về chính sách khuyến khích/ bắt buộc sử dụng chung hạ tầng viễn thông:  Hiện nay, hầu hết các DN đều xây dựng hạ tầng viễn thông riêng, dẫn đến lãng phí nguồn lực nói chung và nguồn lực nhà nước nói riêng, trong khi chúng ta rất cần huy động các nguồn lực để xây dựng và phát triển hạ tầng VT phục vụ cho chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Mặt khác, thực tế việc quản lý hạ tầng kỹ thuật, công trình viễn thông, dùng chung hạ tầng VT thời gian qua chưa thực sự hiệu quả. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định khuyến khích/ bắt buộc các DNVT sử dụng chung hạ tầng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng VT. | Luật đã có quy định tại điều 45 về dùng chung giữa các doanh nghiệp viễn thông và điều 57 về quy hoạch công trình viễn thông để thực thi nội dung dùng chung. |
|  | - Về chính sách cấp phép VT: |  |
| 23.20 | + Bổ sung quy định về cấp phép thiết lập mạng viễn thông công cộng tạm thời có sử dụng tần số vô tuyến điện trong trường hợp khẩn cấp (phục vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh):  Thực tế thời gian vừa qua, Viettel gặp nhiều khó khăn trong việc thiết lập mạng VT công cộng tạm thời có sử dụng tần số VTĐ để phục vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19 do chưa có các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, điều kiện cụ thể về cấp giấy phép. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định này vào Luật VT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DNVT trong việc thiết lập mạng VT công cộng tạm thời có sử dụng tần số VTĐ trong trường hợp khẩn cấp. | Đã giải trình tại mục 23.4. |
| 23.21 | + Bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư cáp quang biển:  Hiện nay quy định về phân loại dự án, hình thức đầu tư, thẩm quyền phê duyệt, quy trình thủ tục thực hiện dự án đầu tư cáp quang biển chưa có trong các VBQPPL của Nhà nước. Mỗi khi Viettel xin chủ trương tham gia đầu tư cáp quang biển, các cơ quan QLNN đều không đưa ra được hướng dẫn cụ thể do không thống nhất về hình thức đầu tư này là đầu tư trong nước hay đầu tư ra nước ngoài, thực hiện thanh toán hợp đồng C&MA là thanh toán vãng lai giống như thanh toán hợp đồng nhập khẩu hàng hóa ký với đối tác nước ngoài hay là khoản góp vốn đầu tư ra nước ngoài. Việc này dẫn đến tất cả các cấp có thẩm quyền, các đối tượng liên quan đều không đưa ra quyết định do chưa có cơ sở pháp lý. Điều này làm hạn chế, thậm chí làm mất đi cơ hội đầu tư của Viettel. Do đó, cần phải bổ sung quy định thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt chủ trương và quyết định tham gia đầu tư cáp quang biển, triển khai thực hiện đầu tư và quản lý vận hành tài sản hình thành từ đầu tư cho phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội tham gia đầu tư các tuyến cáp biển. | Tiếp thu, Bộ TTTT sẽ phối hợp với Bộ KHĐT để hướng dẫn. |
|  | - Về chính sách viễn thông công ích: đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách viễn thông công ích đảm bảo tính khả thi, sử dụng đúng mục đích của Quỹ Dịch vụ VTCI: |  |
| 23.22 | + Xem xét điều chỉnh tỷ lệ đóng góp của các DNVT linh hoạt theo từng thời kỳ, phù hợp với mức độ giải ngân của Quỹ nhằm tránh tình trạng các DNVT vẫn đóng góp vào Quỹ nhưng Quỹ không giải ngân được hoặc giải ngân không đúng mục đích của Quỹ đã đề ra ban đầu. | Tiếp thu.  Thực tế, tỷ lệ đóng góp đã có điều chỉnh trong thời gian vừa qua. Chương trình viễn thông công ích đến năm 2025 dự kiến áp dụng thu linh hoạt theo từng thời kỳ phù hợp với mức độ giải ngân của Quỹ. |
| 23.23 | + Xem xét bổ sung quy định các DN khác ngoài các DNVT phải đóng góp vào Quỹ phù hợp với các lĩnh vực tài trợ của Quỹ (ví dụ: nếu Quỹ tài trợ thiết bị đầu cuối thì các DN cung cấp thiết bị đầu cuối phải đóng góp vào Quỹ; Nếu Quỹ tài trợ cho các dịch vụ CNTT thì các DN cung cấp dịch vụ CNTT phải đóng góp vào Quỹ…) | Bảo lưu.  Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích có nhiệm vụ hỗ trợ để phát triển dịch vụ viễn thông phổ cập và dịch vụ viễn thông bắt buộc (đều là dịch vụ viễn thông), do đó nguồn đóng góp vào Quỹ chỉ bao gồm các doanh nghiệp viễn thông, không bao gồm các doanh nghiệp CNTT hoặc doanh nghiệp đầu cuối. Việc hỗ trợ thiết bị đầu cuối (nếu có) thông qua doanh nghiệp viễn thông. |
|  | - Về chính sách quản lý dịch vụ: |  |
|  | + Đối với quản lý dịch vụ nội dung: |  |
| 23.24 | ` Quy định rõ mối quan hệ giữa DNVT với DN cung cấp nội dung: quyền và trách nhiệm của mỗi bên trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, tỷ lệ phân chia doanh thu… | Đã điều chỉnh chính sách cho phù hợp. |
| 23.25 | ` Bổ sung quy định cho phép trừ cước dịch vụ nội dung trên nền tảng số mà thuê bao sử dụng thông qua tài khoản viễn thông di động nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và theo kịp sự phát triển của ngành công nghiệp nội dung số, giải trí số tại VN | Bảo lưu.  Quy định này sẽ được xem xét, hướng dẫn trong các văn bản dưới Luật. |
| 23.26 | ` Bổ sung quy định để các nhà mạng viễn thông có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị sở hữu bản quyền hợp pháp ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền nội dung trên hạ tầng VT. Hiện nay tình trạng vi phạm bản quyền của nhiều cá nhân, tổ chức trên môi trường số gây ảnh hưởng không nhỏ đến các đơn vị sản xuất, phân phối nội dung. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định các nhà mạng VT phải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị sở hữu bản quyền hợp pháp ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền nội dung trên hạ tầng VT. | Tiếp thu.  Nghiên cứu, phối hợp với Bộ KHCN để hướng dẫn về hữu trí tuệ. |
|  | + Về quản lý dịch vụ bán buôn, giá bán lẻ của đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn: |  |
| 23.27 | ` Đề nghị cần quy định rõ hơn về đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn nhằm quản lý thị trường bán buôn thứ cấp, đảm bảo cạnh tranh công bằng, minh bạch. Thị trường có nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh nếu chỉ tập trung vào việc mua đi bán lại mà không đảm bảo mục tiêu là cung cấp dịch vụ đến khách hàng. | Tiếp thu. Chỉ có doanh nghiệp kinh doanh viễn thông mới được quyền mua buôn. Nghiên cứu, rá soát, bổ sung quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh viễn thông. |
| 23.28 | ` Đối với giá bán lẻ của đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn: Đề nghị bổ sung quy định quản lý giá bán lẻ của đối tượng mua buôn, bán lại dịch vụ cho khách hàng nhằm đảm bảo thị trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng (không bán dưới giá thành…), Thị trường có nguy cơ phát triển lệch lạc nếu chỉ tập trung cạnh tranh về giá bán lẻ, có nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh nếu không có quy định áp dụng đối với đối tượng mua lại dịch vụ bán buôn có quy mô khách hàng lớn trên thị trường. | Bảo lưu  Việc áp dụng giá bán lẻ không được thấp hơn giá thành chỉ áp dụng với các doanh nghiệp thống lĩnh thị trường (SMP) để đồng bộ với Luật Cạnh tranh. |
| 23.29 | + Về quản lý dịch vụ xuyên biên giới:  Đề nghị quy định rõ quyền và trách nhiệm của DNVT trong việc cung cấp hạ tầng/ tài nguyên cho đơn vị cung cấp nội dung xuyên biên giới. Hiện nay, cơ quan QLNN đang gắn trách nhiệm cho các DNVT trong việc cung cấp hạ tầng/ tài nguyên cho đơn vị cung cấp dịch vụ nội dung xuyên biên giới nhưng chưa có các quy định pháp luật cụ thể. | Nghiên cứu, xem xét đưa vào các văn bản dưới luật. |
| 23.30 | + Về chính sách quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh:  Đề nghị bổ sung thêm quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông từ các vật thể bay không người lái dựa trên công nghệ HAPS vì đây là một trong những xu hướng phát triển của dịch vụ thông tin vệ tinh. | Tiếp thu, nghiên cứu, xem xét đưa vào văn bản dưới luật. |
| 23.31 | - Về chính sách quản lý cạnh tranh:  Đề nghị sửa đổi quy định các căn cứ xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế đối với các DNVT phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh 2018. | Tiếp thu.  Nghiên cứu, xem xét sửa đổi trong quá trình dự thảo luật sửa đổi. |
| 24 | *Sở TTTT Hồ Chí Minh:* |  |
|  | - Về dự thảo Đề cương: |  |
| 24.1 | + Sửa đổi, bổ sung Điều 6 hoặc Điều 29: bổ sung quy định về sử dụng thông tin thuê bao viễn thông (họ tên, địa chỉ, số thuê bao, vị trí) cho mục đích phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn hoặc thuê bao gọi đến đầu số khẩn cấp. | Bảo lưu.  Trường hợp này nằm trong quy định tại Điều 6 Khoản 4. |
| 24.2 | + Bổ sung Khoản “21. Bổ sung điều khoản về phát triển hạ tầng viễn thông trên đất công, trụ sở công, công trình công, địa điểm công và các tài sản khác của Nhà nước”. | Đã giải trình tại mục 15.1. |